



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng công trình 510 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Lê Bá Tố	Chủ tịch
Ông Đào Duy Tụng	Thành viên
Ông Trần Hải Quảng	Thành viên
Ông Trần Mạnh Tuyên	Thành viên
Ông Phạm Thế Danh	Thành viên
Ông Đào Xuân Vinh	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Đào Duy Tụng	Giám đốc
Ông Trần Mạnh Tuyên	Phó Giám đốc
Ông Đào Xuân Vinh	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Thạnh	Phó Giám đốc
Ông Trần Hải Quảng	Phó Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510**



**Lê Bá Tố**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2022



Số: 333 /BCTC/TC/NV8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1,  
Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Hà Nội, ngày 29.. tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty CP Xây dựng công trình 510**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Xây dựng công trình 510 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/03/2022, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Bảo Trung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1  
Thay mặt và đại diện cho

**Mai Quang Hiệp**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1320-2018-126-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>230.304.880.020</b>	<b>228.650.589.040</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>12.422.690.303</b>	<b>30.849.838.189</b>
1 Tiền	111		12.422.690.303	18.149.838.189
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	12.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	8.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>140.726.965.395</b>	<b>110.687.516.292</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	93.954.324.371	74.496.245.640
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	22.914.816.676	12.749.151.509
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	32.243.630.260	31.827.925.055
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(8.385.805.912)	(8.385.805.912)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>74.046.690.574</b>	<b>77.886.724.642</b>
1 Hàng tồn kho	141		74.046.690.574	77.886.724.642
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>108.533.748</b>	<b>1.226.509.917</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	108.533.748	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.226.509.917
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.726.523.039</b>	<b>27.776.274.227</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.859.367.124</b>	<b>14.411.284.351</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	17.506.989.039	13.025.906.936
- Nguyên giá	222		101.169.112.828	93.996.396.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.662.123.789)	(80.970.489.203)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.08	1.352.378.085	1.385.377.415
- Nguyên giá	228		1.600.467.500	1.600.467.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(248.089.415)	(215.090.085)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.867.155.915</b>	<b>13.364.989.876</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	9.867.155.915	13.364.989.876
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>259.031.403.059</b>	<b>256.426.863.267</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>212.531.596.536</b>	<b>212.307.906.323</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>211.449.546.738</b>	<b>208.621.881.344</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	36.717.630.835	40.079.833.899
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	111.161.018.259	79.829.049.460
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.114.689.763	5.465.596.996
4 Phải trả người lao động	314		1.628.327.000	3.107.607.212
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.645.311.685	4.709.377.481
6 Doanh thu chưa thực hiện	318	V.15	2.614.601.818	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5.776.065.654	3.943.406.034
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	43.647.304.979	63.382.335.573
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.426.336.531	6.245.726.535
10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.718.260.214	1.858.948.154
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.082.049.798</b>	<b>3.686.024.979</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	971.250.000
2 Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.082.049.798	2.714.774.979
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>46.499.806.523</b>	<b>44.118.956.944</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>46.499.806.523</b>	<b>44.118.956.944</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		7.042.739.923	6.554.877.451
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.457.066.600	10.564.079.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.969.664.961	6.498.558.889
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.487.401.639	4.065.520.604
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>259.031.403.059</b>	<b>256.426.863.267</b>

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510

Người lập



Lương Thị Hồng Vinh

Kế toán trưởng



Trần Hải Quảng

Chủ tịch HĐQT



Lê Bá Tố

Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	248.994.823.465	292.374.982.888
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		248.994.823.465	292.374.982.888
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	225.441.935.192	260.732.738.142
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		23.552.888.273	31.642.244.746
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	346.527.856	705.113.922
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	5.784.532.714	6.095.875.116
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.659.204.150	5.873.007.986
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	17.683.707.639	20.794.316.963
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		431.175.776	5.457.166.589
11 Thu nhập khác	31	VI.6	6.779.112.071	98.971.092
12 Chi phí khác	32	VI.7	308.828.639	293.699.850
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.470.283.432	(194.728.758)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		6.901.459.208	5.262.437.831
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.414.057.569	1.196.917.227
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.487.401.639	4.065.520.604
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.829	1.355

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Lương Thị Hồng Vinh

Trần Hải Quảng

Lê Bá Tố

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

&lt;Theo phương pháp trực tiếp&gt;

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ kinh doanh</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01	279.256.911.307	374.615.128.098
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(254.736.359.098)	(310.214.264.154)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.893.503.830)	(26.241.575.616)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(5.829.904.744)	(5.959.279.611)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.108.159.060)	(669.432.214)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.199.669.153	2.554.409.567
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.152.899.311)	(8.512.013.026)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.735.754.417</b>	<b>25.572.973.044</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.172.716.689)	(73.272.000)
2	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.635.000.000)	-
3	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.635.000.000	420.000.000
4	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	416.094.980	764.217.097
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.756.621.709)</b>	<b>1.110.945.097</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ đi vay	33	244.141.840.194	273.397.284.498
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(264.848.120.788)	(273.068.152.345)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.700.000.000)	(2.160.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.406.280.594)</b>	<b>(1.830.867.847)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(18.427.147.886)</b>	<b>24.853.050.294</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>30.849.838.189</b>	<b>5.996.787.895</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70 V.01</b>	<b>12.422.690.303</b>	<b>30.849.838.189</b>

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510

Người lập



Lương Thị Hồng Vinh

Kế toán trưởng



Trần Hải Quảng

Chủ tịch HĐQT



Lê Bá Tố

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### **I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Xây dựng công trình 510 (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Đội cầu 4 được thành lập từ năm 1953, được đổi tên thành Công ty Công trình Giao thông 510 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 theo Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước số 1056/QĐ/TCCB-LĐ ngày 28/05/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1228/QĐ-BGTVT ngày 29/04/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200237892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/10/2004 và thay đổi lần thứ mười ngày 26/04/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 26/04/2019 thì vốn điều lệ của Công ty là: **27.000.000.000 đồng** (Hai mươi bảy tỷ đồng./.).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình giao thông trong và ngoài nước, bao gồm: Nền, móng, mặt đường, cầu, cống, đường băng sân bay; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, bến cảng, đường dây và trạm điện 35KV;
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn...; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng; sản xuất bê tông nhựa, bê tông xi măng;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa phương tiện xe máy và thiết bị thi công; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ giao thông vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu - đường bộ; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô các loại (trừ ô tô chuyên dụng); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác;
- Điều hành tour du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn./.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 2 Đường Trường Sơn, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các khoản tương đương tiền đã được tất toán hết tại thời điểm 31/12/2021.

#### 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận từ thời điểm thực tế phát sinh hoạt động gửi tiền tiết kiệm.

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

#### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	8 - 14
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

#### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn.

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng và được Công ty khấu hao trong thời gian 48,5 năm (thời gian được sử dụng là đến ngày 01/07/2064).

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

## **7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành sửa chữa công hộ công trình đường trục khu kinh tế nổi dài, chưa được Công ty triển khai thực hiện và được ghi nhận dựa trên hóa đơn tài chính và số tiền được khách hàng tạm ứng.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng phải trả bảo hành các công trình xây lắp được tính bằng 1% đến 5% giá trị các hợp đồng còn hạn bảo hành, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí trích trước chi phí các công trình và chi phí lãi vay.

- Chi phí trích trước chi phí các công trình là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Chi phí lãi vay được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, lãi suất vay, thời gian vay và thông báo của Ngân hàng nơi Công ty vay vốn.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động xây lắp và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### **Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của Công ty là khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây lắp, khoản thanh lý công cụ, dụng cụ và khoản thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng bán thanh lý, biên bản bàn giao, hóa đơn tài chính, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

## **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

## **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: chi phí lãi vay phát sinh trong năm, lãi chậm nộp, chậm trả và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

### **Các nghĩa vụ về thuế**

#### **Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất áp dụng là 10% đối với các hoạt động xây lắp.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Tiền</b>	<b>12.422.690.303</b>	<b>18.149.838.189</b>
Tiền mặt tại quỹ	69.057.031	18.383.382
Tiền gửi ngân hàng	12.353.633.272	18.131.454.807
<b>b) Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>12.700.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	-	12.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.422.690.303</b>	<b>30.849.838.189</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị hợp lý	Giá trị	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	3.000.000.000	3.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

(\*): là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo Hợp đồng tiền gửi số 141/2021/311131/HDTG-KHDN1 ngày 15/12/2021 với lãi suất 4,8%/năm.

**3. Phải thu khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Ban Quản lý dự án CNGT Phú Yên	14.640.509.553	-	-	-
Ban quản lý dự án 3	823.550.819	-	1.756.411.819	-
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Huyện Hải Lăng	-	-	1.569.081.000	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP	48.333.697.495	-	48.333.697.495	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Trung tâm Quản lý và Khai thác công trình công cộng Huyện Đức Trọng	-	-	1.306.767.000	-
CTCP - Tổng Công ty Xây dựng và Lắp máy Việt Nam	2.876.062.000	-	-	-
Các đối tượng khác	27.280.504.504	8.385.805.912	21.530.288.326	8.385.805.912
<b>Cộng</b>	<b>93.954.324.371</b>	<b>8.385.805.912</b>	<b>74.496.245.640</b>	<b>8.385.805.912</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Băng Phương 368	3.165.654.320	2.948.654.320
Công ty TNHH Tân Lập	7.817.038.000	-
Công ty TNHH Trung Kiên	-	4.112.382.000
Công ty CP Quản lý và Xây dựng giao thông Khánh Hòa	3.803.100.950	-
Công ty TNHH MTV Phương Tiến Dũng	2.031.602.000	-
Các đối tượng khác	6.097.421.406	5.688.115.189
<b>Cộng</b>	<b>22.914.816.676</b>	<b>12.749.151.509</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
<i>Phải thu khác</i>	330.311.717	-	352.315.363	-
Lãi dự thu	6.706.849	-	76.273.973	-
Các đối tượng khác	323.604.868	-	276.041.390	-
<i>Tạm ứng</i>	31.483.031.334	-	31.196.670.483	-
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	430.287.209	-	278.939.209	-
<b>Cộng</b>	<b>32.243.630.260</b>	<b>-</b>	<b>31.827.925.055</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng</b>				
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 - CTCP	5.862.047.502	-	5.862.047.502	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Thương mại và Tư vấn đầu tư xây dựng công trình số 9	2.234.014.410	-	2.234.014.410	-
Các đối tượng khác	289.744.000	-	289.744.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.385.805.912</b>	<b>-</b>	<b>8.385.805.912</b>	<b>-</b>

7. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.212.736.046	-	8.712.288.606	-
Công cụ, dụng cụ	162.997.386	-	76.825.618	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.670.957.142	-	69.097.610.418	-
<b>Cộng</b>	<b>74.046.690.574</b>	<b>-</b>	<b>77.886.724.642</b>	<b>-</b>

## 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2021	1.600.467.500	1.600.467.500
Số dư ngày 31/12/2021	1.600.467.500	1.600.467.500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2021	215.090.085	215.090.085
Khấu hao trong năm	32.999.330	32.999.330
Số dư ngày 31/12/2021	248.089.415	248.089.415
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2021	1.385.377.415	1.385.377.415
Tại ngày 31/12/2021	1.352.378.085	1.352.378.085

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có.

## 9. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	108.533.748	-
Chi phí bảo hiểm	108.533.748	-
b) <b>Dài hạn</b>	9.867.155.915	13.364.989.876
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	9.867.155.915	13.364.989.876
<b>Cộng</b>	<b>9.975.689.663</b>	<b>13.364.989.876</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510**

Địa chỉ: Số 2 Đường Trường Sơn, P. Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND
Chi tiêu	Cộng
	Thiết bị, dụng cụ quản lý
	Phương tiện vận tải
	Máy móc thiết bị
	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số dư ngày 01/01/2021	93.996.396.139
Mua trong năm	7.172.716.689
Số dư ngày 31/12/2021	101.169.112.828
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư ngày 01/01/2021	80.970.489.203
Khấu hao trong năm	2.691.634.586
Số dư ngày 31/12/2021	83.662.123.789
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	13.025.906.936
Tại ngày 31/12/2021	17.506.989.039

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 65.657.069.940 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ sử dụng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay: 8.753.853.375 VND.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Vĩnh Hưng	6.285.932.210	6.285.932.210	-	-
Công ty TNHH Thương mại sản xuất và Dịch vụ Mạnh Tường Bút Trần	5.475.904.344	5.475.904.344	6.301.938.494	6.301.938.494
Công ty TNHH Khải Minh Gia Lai	458.086.400	458.086.400	1.748.932.000	1.748.932.000
Công ty CP Vật tư - Thiết bị công trình Minh Đức	1.760.000	1.760.000	633.079.500	633.079.500
Công ty TNHH MTV Trang Bào Gia Lai	100.001	100.001	1.112.944.500	1.112.944.500
Công ty TNHH MTV Thương mại Trọng Hòa	5.024.138.378	5.024.138.378	4.855.801.923	4.855.801.923
Công ty CP Tư vấn xây dựng Tân Cơ	5.549.280	5.549.280	546.585.229	546.585.229
Công ty TNHH Xi măng Khánh Hòa	913.543.600	913.543.600	3.864.726.000	3.864.726.000
Các đối tượng khác	18.552.616.622	18.552.616.622	21.015.826.253	21.015.826.253
<b>Cộng</b>	<b>36.717.630.835</b>	<b>36.717.630.835</b>	<b>40.079.833.899</b>	<b>40.079.833.899</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	7.491.674.397	11.074.669.095
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	18.394.819.002	-
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	187.471.555	10.575.785.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 2	26.474.812.000	26.474.812.000
Sở Giao thông vận tải Gia Lai	-	7.213.921.000
Ban quản lý dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB-Tiểu dự án Tỉnh Gia Lai	981.213.136	14.904.519.500
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định	31.548.047.000	3.547.262.000
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Khánh Hòa	8.279.532.000	-
Các đối tượng khác	17.803.449.169	6.038.080.865
<b>Cộng</b>	<b>111.161.018.259</b>	<b>79.829.049.460</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2021
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	3,941.969.461	716.279.254	4,067.307.725	590.940.990
Thuế Thu nhập DN	1,108.159.060	1.414.057.569	1.108.159.060	1.414.057.569
Thuế Thu nhập cá nhân	139.091.475	206.383.956	298.450.167	47.025.264
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	276.377.000	501.463.286	715.174.346	62.665.940
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.465.596.996</b>	<b>2.841.184.065</b>	<b>6.192.091.298</b>	<b>2.114.689.763</b>

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	196.719.049	401.181.211
Chi phí trích trước các công trình thi công	4.448.592.636	4.308.196.270
<b>Cộng</b>	<b>4.645.311.685</b>	<b>4.709.377.481</b>

**15. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP - Tổng Công ty Xây dựng và Lắp máy Việt Nam	2.614.601.818	-
<b>Cộng</b>	<b>2.614.601.818</b>	<b>-</b>

**16. Phải trả khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>101.904.558</i>	<i>263.235.647</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>1.661.939.689</i>	<i>1.392.221.095</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.131.242.453</i>	<i>549.811.681</i>
Cổ tức phải trả các cổ đông	33.123.600	33.123.600
Công ty CP Địa ốc Đại Quang Minh	480.340.976	480.340.976
Các đối tượng khác	617.777.877	36.347.105
<i>Dư có TK 141</i>	<i>2.880.978.954</i>	<i>1.738.137.611</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.776.065.654</b>	<b>3.943.406.034</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
a) Ngắn hạn	43.647.304.979	43.647.304.979	245.113.090.194	264.848.120.788	63.382.335.573	63.382.335.573
<i>Vay ngắn hạn</i>	43.647.304.979	43.647.304.979	244.141.840.194	263.203.170.788	62.708.635.573	62.708.635.573
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (1)	43.647.304.979	43.647.304.979	228.141.840.194	247.203.170.788	62.708.635.573	62.708.635.573
Vay cá nhân	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	971.250.000	1.644.950.000	673.700.000	673.700.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (2)	-	-	971.250.000	1.644.950.000	673.700.000	673.700.000
b) Dài hạn	-	-	-	971.250.000	971.250.000	971.250.000
<i>Vay dài hạn</i>	-	-	-	971.250.000	971.250.000	971.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (2)	-	-	-	971.250.000	971.250.000	971.250.000
<b>Cộng</b>	<b>43.647.304.979</b>	<b>43.647.304.979</b>	<b>245.113.090.194</b>	<b>265.819.370.788</b>	<b>64.353.585.573</b>	<b>64.353.585.573</b>

## CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510

Địa chỉ: Số 2 Đường Trường Sơn, P. Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

(1): Hợp đồng hạn mức số 01/2021/311131/HHTD ngày 01/07/2021. Hạn mức tín dụng là 300.000.000 đồng trong đó dư nợ cho vay vốn lưu động và cấp bảo lãnh thanh toán (không bao gồm phân kỳ quỹ) tối đa là 90.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xây lắp. Hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngân hàng chưa đến hạn trả từ các hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2020/311131/HHTD ngày 14/05/2020; hợp đồng cấp bảo lãnh 29.09/2020/31113/HDBL ngày 29/09/2020. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15/07/2022.

(2): Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/311131/HHTD ngày 25/03/2016. Số tiền cho vay: 540.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe lu rung Dynapac phục vụ kinh doanh xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: áp dụng theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay đã được tái toán tại thời điểm ngày 31/12/2021.
- Hợp đồng tín dụng số 12/2018/311131/HHTD ngày 06/12/2018. Số tiền cho vay: 903.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Đầu tư mua xe đầu kéo hiệu DAEWOO V3TEF phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: áp dụng theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay đã được tái toán tại thời điểm ngày 31/12/2021.
- Hợp đồng tín dụng số 1607/2018/311131/HHTD ngày 16/07/2018. Số tiền cho vay: 1.743.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe cầu và máy đào bánh xích phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: áp dụng theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay đã được tái toán tại thời điểm ngày 31/12/2021.
- Hợp đồng tín dụng số 05.09/2019/311131/HHTD ngày 05/09/2019. Số tiền cho vay: 2.990.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị gồm đầu khoan Kelly R10G, Mooc khoan 3 trục, 2 ô tô vận chuyển bê tông phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: áp dụng theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay đã được tái toán tại thời điểm ngày 31/12/2021.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. Dự phòng phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.426.336.531</b>	<b>6.245.726.535</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.426.336.531	6.245.726.535
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.082.049.798</b>	<b>2.714.774.979</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.082.049.798	2.714.774.979
<b>Cộng</b>	<b>2.508.386.329</b>	<b>8.960.501.514</b>

**19. Vốn chủ sở hữu****19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2020</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>9.292.409.469</b>	<b>36.292.409.469</b>
Lãi trong năm trước	-	4.065.520.604	4.065.520.604
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(345.736.680)	(345.736.680)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(288.113.900)	(288.113.900)
Chi cổ tức	-	(2.160.000.000)	(2.160.000.000)
<b>Số dư ngày 01/01/2021</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>10.564.079.493</b>	<b>37.564.079.493</b>
Lãi trong năm nay	-	5.487.401.639	5.487.401.639
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	(487.862.472)	(487.862.472)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(406.552.060)	(406.552.060)
Chi cổ tức	-	(2.700.000.000)	(2.700.000.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2021</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>12.457.066.600</b>	<b>39.457.066.600</b>

(\*): Các quỹ này được trích lập theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 251/2021/NQ-DHĐCĐ/510 ngày 29/04/2021.

**19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ông Đào Duy Tụng	2.783.860.000	2.783.860.000
Ông Lê Bá Tổ	3.661.380.000	3.661.380.000
Ông Trần Hải Quảng	2.950.640.000	2.950.640.000
Các cổ đông khác	17.604.120.000	17.604.120.000
<b>Cộng</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>2.700.000.000</b>	<b>2.160.000.000</b>

**19.4 Cổ phiếu**

	Năm 2021 Cổ phiếu	Năm 2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**19.5 Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:  $\geq 10\%$ 

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

**19.6 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	6.554.877.451	487.862.472	-	7.042.739.923
<b>Cộng</b>	<b>6.554.877.451</b>	<b>487.862.472</b>	<b>-</b>	<b>7.042.739.923</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	248.994.823.465	292.374.982.888
<b>Cộng</b>	<b>248.994.823.465</b>	<b>292.374.982.888</b>

**2. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	225.441.935.192	260.732.738.142
<b>Cộng</b>	<b>225.441.935.192</b>	<b>260.732.738.142</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	339.821.007	596.919.949
Lãi dự thu	6.706.849	76.273.973
Lãi trái phiếu	-	31.920.000
<b>Cộng</b>	<b>346.527.856</b>	<b>705.113.922</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.625.442.582	5.873.007.986
Lãi chậm nộp, chậm trả	159.090.132	144.901.505
Chi phí tài chính khác	-	77.965.625
<b>Cộng</b>	<b>5.784.532.714</b>	<b>6.095.875.116</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.338.479.032	9.881.984.241
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	1.481.836.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	290.068.817	290.068.817
Thuế, phí, lệ phí	504.463.286	497.088.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.054.808.168	3.249.215.447
Chi phí bằng tiền khác	4.495.888.336	5.394.123.566
<b>Cộng</b>	<b>17.683.707.639</b>	<b>20.794.316.963</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế	-	15.342.383
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây lắp	6.396.415.185	-
Hoàn nhập chi phí trích trước các công trình	-	83.628.709
Thanh lý chùy giã đá	136.363.636	-
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	246.333.250	-
<b>Cộng</b>	<b>6.779.112.071</b>	<b>98.971.092</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế bị truy thu, bị phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, thuế	138.828.639	213.995.506
Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế	-	49.444.560
Chi phí khác	170.000.000	30.259.784
<b>Cộng</b>	<b>308.828.639</b>	<b>293.699.850</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	256.120.463.392	293.179.067.902
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>256.120.463.392</i>	<i>293.163.725.519</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>15.342.383</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	249.219.004.184	287.916.630.071
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>249.050.175.545</i>	<i>287.622.930.221</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>168.828.639</i>	<i>293.699.850</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.070.287.847	5.540.795.298
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.414.057.569	1.108.159.060
Tăng theo Biên bản thanh tra Thuế của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa ngày 29/06/2019	-	88.758.167
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.414.057.569</b>	<b>1.196.917.227</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.487.401.639	4.065.520.604
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.487.401.639	4.065.520.604
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	548.740.164	406.552.060
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.829	1.355
----------------------------	-------	-------

(\*): Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 đang được ước tính dựa trên tỷ lệ trích lập năm 2020 là 10% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	109.090.137.064	114.432.628.650
Chi phí nhân công	34.805.792.268	49.100.209.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.724.633.916	2.816.426.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.539.588.064	42.325.400.558
Chi phí khác bằng tiền	7.917.664.729	7.623.885.548
<b>Cộng</b>	<b>187.077.816.041</b>	<b>216.298.550.305</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	244.141.840.194	273.397.284.498
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	264.848.120.788	273.068.169.085

**VIII. Những thông tin khác****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc*

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản lương, thưởng và thu nhập khác	1.701.067.322	1.912.641.255
<b>Cộng</b>	<b>1.701.067.322</b>	<b>1.912.641.255</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Một số số liệu so sánh của kỳ báo cáo trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót" do phát hiện ra một số sai sót trong kế toán, cụ thể như sau:

**a) Số liệu trước điều chỉnh hồi tố và sau điều chỉnh hồi tố****a.1) Bảng cân đối kế toán**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020		
		Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	73.749.701.640	74.496.245.640	(746.544.000)
2.	Hàng tồn kho	78.775.892.824	77.886.724.642	889.168.182
3.	Thuế GTGT được khấu trừ	1.315.426.735	1.226.509.917	88.916.818
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	80.060.590.460	79.829.049.460	231.541.000

**a.2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020		
		Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.485.814.706	292.374.982.888	(889.168.182)
2.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.485.814.706	292.374.982.888	(889.168.182)
3.	Giá vốn hàng bán	259.843.569.960	260.732.738.142	(889.168.182)

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510**

Người lập



Lương Thị Hồng Vinh

Kế toán trưởng



Trần Hải Quảng

Chủ tịch HĐQT



Lê Bá Tố